

## LÂY NHIỄM HIV/AIDS QUA ĐƯỜNG TÌNH DỤC Ở PHẠM NHÂN TẠI TRẠI GIAM TỈNH ĐIỆN BIÊN NĂM 2009

Nguyễn Xuân Bái<sup>1</sup>, Vương Thị Hòa<sup>1</sup>

### TÓM TẮT

Năm 2000 ở Việt Nam có 3.275 phạm nhân nhiễm HIV, chiếm hơn 1/10 tổng số nhiễm HIV/AIDS trong cả nước. Ở một số tỉnh, thành phố trọng điểm, tỷ lệ này đến gần 1/3 hoặc cao hơn nữa. Phạm nhân nhiễm HIV từ cộng đồng hoặc trong trại giam và khi trở về với cộng đồng họ sẽ lại làm lây lan HIV cho xã hội. Các nghiên cứu chỉ ra rằng quan hệ tình dục không an toàn có nguy cơ cao lây nhiễm HIV/AIDS, đặc biệt với gái mại dâm.

**Mục tiêu:** Tìm hiểu nguy cơ lây nhiễm HIV/AIDS qua đường tình dục ở phạm nhân, qua đó tìm ra các giải pháp can thiệp là điều cần thiết.

**Phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích trên 400 phạm nhân tại Trại giam tỉnh Điện Biên.

**Kết quả:** - Tỷ lệ nhiễm HIV ở nhóm phạm nhân vào trại ≤ 24 tháng là 29,3%, nhóm đã ở trại trên 24 tháng là 0,7%, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,001$ ).

- Tỷ lệ nhiễm HIV ở nhóm phạm nhân đã quan hệ tình dục là 8,3%; nhóm chưa quan hệ tình dục là 24,5% sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,001$ ).

- Đối tượng quan hệ tình dục ở nhóm nhiễm HIV cao nhất là vợ 51,2%, tiếp đó là bạn tình 21,9%, gái bán dâm 17,0%, có 29,2% chưa quan hệ tình dục.

- Tỷ lệ nhiễm HIV ở nhóm phạm nhân không dùng BCS khi QHTD (4,4%) thấp hơn nhóm có dùng BCS (9,6%) sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ( $p > 0,05$ ).

- Tỷ lệ sử dụng BCS khi QHTD của phạm nhân nhiễm HIV với vợ là 72%, bạn tình 20%, gái bán dâm là 24%.

**Từ khóa:** Lây nhiễm qua đường tình dục; Phạm nhân; HIV.

### ABSTRACT

#### SEXUAL TRANSMISSION OF HIV/AIDS IN CRIMINALS AT DIEN BIEN PRISON, 2009

Nguyen Xuan Bai<sup>1</sup>, Vuong Thi Hoa<sup>1</sup>

There were 3,275 criminals acquiring HIV in Vietnam in (2000), accounting for more than 1/10 of total of cases of HIV/AIDS in the whole country. At some provinces and cities, this rate was approximately 1/3 or higher. Criminals who acquired HIV from community or prison transmitted the disease when coming back to their location. Many studies showed that unsafe sexual activity had high risk in transmitting HIV/AIDS, especially in sex workers/prostitutes.

1. Trường Đại học Y Thái Bình

- Ngày nhận bài: (received): 28/8/2013, Ngày phản biện (revised): 16/12/2013  
- Ngày đăng bài (accepted): 25/12/2013  
- Người phản biện: PGS.TS Phạm Như Hiệp; TS Trần Thừa Nguyên  
- Người phản hồi (corresponding author): Đỗ Mạnh Hùng  
- Email: hungdm.nip@gmail.com



## Bệnh viện Trung ương Huế

**Objectives:** To conduct a research on risk of HIV/AIDS transmission due to sexual activity of criminals, so prompt intervention can be pointed out.

**Method:** We carried out a cross-sectional study on 400 criminals at Dien Bien prison. **Results:** - The percentage of HIV criminal staying at the prison  $\leq 24$  months (29,3%) those staying at prison more than 24 months (0,7%) having statistical significance ( $p < 0,001$ ).

- Percentage of HIV criminals experiencing sexual activity was 8,3%; those who have not experienced sexual activity was 24,5%, having statistical significance ( $p < 0,001$ ).

- Person with whom criminals having sexual activity getting highest rate of HIV transmission was wife 51,2%, the next was mistress 21,9%, prostitutes 17%, 29,2% have not experienced sexual activity.

- Percentage of HIV criminal not using condom was (4,4%) which was lower than those using condom (9,6%), which did not have statistical significance ( $p > 0,05$ ).

- Percentage of using condom when having sexual activity with wife was 72%, with mistress was 20%, with prostitutes was 24%.

**Key words:** Sexual transmission; Criminals; HIV.

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo báo cáo tình hình dịch HIV/AIDS toàn cầu của UNAIDS. Số người nhiễm HIV còn sống năm 2008 là 33,2 triệu [30,6 - 36,1 triệu]. Trong đó người lớn 30,8 triệu, phụ nữ 15,4 triệu, trẻ em dưới 15 tuổi là 2,5 triệu [10].

Trại giam là nơi tiếp nhận các đối tượng phạm tội từ ngoài xã hội. Do đặc điểm của đối tượng và việc giam giữ, nên nguy cơ lây lan các bệnh truyền nhiễm, đặc biệt nhiễm HIV/AIDS trong trại giam là rất lớn. Mức độ và tỷ lệ nhiễm HIV ở phạm nhân luôn cao hơn cộng đồng dân cư. Năm 2000 ở Việt Nam có 3.275 phạm nhân nhiễm HIV, chiếm hơn 1/10 tổng số nhiễm HIV/AIDS trong cả nước. Ở một số tỉnh, thành phố trọng điểm, tỷ lệ này đến gần 1/3 hoặc cao hơn nữa. Phạm nhân nhiễm HIV từ cộng đồng hoặc trong trại giam khi trở về với cộng đồng họ sẽ lại làm lây lan HIV cho xã hội. Các trại giam có số nhiễm HIV/AIDS cao thuộc khu vực Hải Phòng: 23,58% (1997 - 1998), Quảng Ninh: 32% (cuối 1998), Yên Bái: 13,8% (2005), Hà Nội 41,5% (2000), Thanh Hóa 21,5% (2000) [2]. Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS ở các trại tạm giam còn cao hơn: 42,9% - 68,2% [8], [9]. Quan hệ tình dục không an toàn có nguy cơ cao trong lây nhiễm HIV/AIDS. Theo số liệu giám sát trọng điểm năm 2008, tỷ lệ nhiễm HIV ở nhóm gái mại dâm cao nhất ở tỉnh Điện Biên (14,96%),

Hà Nội (12,25%), Hải Phòng (10,75%) [1].

Điện Biên là một tỉnh miền núi, biên giới phía Tây Bắc của Tổ quốc, có tỷ lệ người nghiện ma túy, nhiễm HIV/AIDS phạm tội cao và có nhiều yếu tố thuận lợi cho tình trạng gia tăng tệ nạn ma túy và lây nhiễm HIV. Tỉnh Điện Biên có trại giam thuộc Công an tỉnh Điện Biên, đóng tại thành phố Điện Biên Phủ và huyện Điện Biên. Mục tiêu: *Tìm hiểu ảnh hưởng của việc lây truyền HIV/AIDS qua đường tình dục trên các đối tượng phạm nhân, qua đó đề xuất giải pháp can thiệp kịp thời.*

### II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

**2.1. Đối tượng nghiên cứu:** Phạm nhân của trại giam tỉnh Điện Biên.

**2.2. Thời gian nghiên cứu:** Từ tháng 1/2009 đến 6/2009.

**2.3. Phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu được thiết kế theo phương pháp dịch tễ học mô tả, với cuộc điều tra cắt ngang.

#### 2.4. Thiết kế nghiên cứu

- Phần thứ nhất: Lấy mẫu máu của phạm nhân để xét nghiệm khẳng định nhiễm HIV.

- Phần thứ hai: Phỏng vấn phạm nhân bằng phiếu phỏng vấn đã được thiết kế sẵn, để xác định nhận thức, thái độ, hành vi của phạm nhân về HIV/AIDS; xác định các yếu tố liên quan đến lây nhiễm HIV/AIDS trong trại giam.



2.5. Cơ mẫu và kỹ thuật chọn mẫu

$$n = Z^2 (1-\alpha/2) \frac{p \cdot q}{d^2}$$

Trong đó: n: là cỡ mẫu, Z: là hệ số tin cậy, lấy ở mức xác suất 95%, Z = 1,96, p: vì nghiên cứu lần đầu, chọn p = 0,5 là tỷ lệ giả định tình trạng nhiễm HIV để lấy cỡ mẫu tối đa, d: là dự kiến sai số, d = 0,05.

Thay giá trị các biến, cỡ mẫu theo công thức là 384 người. Tính cả các trường hợp sai số khách quan (5%), lấy tròn n = 400.

2.6. Các kỹ thuật áp dụng trong nghiên cứu:

- Kỹ thuật xét nghiệm ELISA
- + Kỹ thuật lấy máu, cách bảo quản mẫu máu xét nghiệm HIV
- + Kỹ thuật xét nghiệm ELISA
- Kỹ thuật xét nghiệm sàng lọc HIV bằng Test nhanh Determine.
- Phiếu điều tra KAP
- Thảo luận nhóm: Chúng tôi tổ chức cho phạm nhân thảo luận nhóm.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Liên quan giữa thời gian ở trại và nhiễm HIV

Thời gian	Chung n = 400	HIV (+)		HIV (-)		p
		n	%	n	%	
≤ 24 tháng	133	39	29,3	94	70,7	p < 0,001
> 24 tháng	267	2	0,7	265	99,3	

Tỷ lệ nhiễm HIV ở nhóm phạm nhân vào trại ≤ 24 tháng (29,3%) cao hơn nhóm đã ở trại trên 24 tháng (0,7%) sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (p < 0,001).

Bảng 2. Liên quan giữa quan hệ tình dục và nhiễm HIV

Quan hệ tình dục (QHTD)	Chung n = 400	HIV (+)		HIV (-)		p
		n	%	n	%	
Đã quan hệ tình dục	351	29	8,3	322	91,7	p < 0,001
Chưa quan hệ tình dục	49	12	24,5	37	75,5	

Tỷ lệ nhiễm HIV ở nhóm phạm nhân đã QHTD (8,3%) thấp hơn nhóm chưa QHTD (24,5%) sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (p < 0,001).

Bảng 3. Đối tượng quan hệ tình dục của phạm nhân

Đối tượng QHTD	Phạm nhân chung (n = 400)		Phạm nhân HIV(+) (n = 41)	
	n	%	n	%
Vợ	277	69,3	21	51,2
Bạn tình	114	28,5	9	21,9
Gái bán dâm	46	11,5	7	17,0
Người lạ	19	4,7	0	0,0
Chưa QHTD	49	12,2*	12	29,2

Phơi nhiễm HIV với gái bán dâm cho thấy 17% phạm nhân HIV(+) QHTD với gái bán dâm, trong khi đó 11,5% phạm nhân chung toàn trại giam.

## Bệnh viện Trung ương Huế

Bảng 4. Liên quan giữa dùng bao cao su khi quan hệ tình dục và nhiễm HIV

Dùng bao cao su (BCS)	Chung n = 351	HIV (+)		HIV (-)		p
		n	%	n	%	
Có	260	25	9,6	235	90,4	p > 0,05
Không	91	4	4,4	87	95,6	

Tỷ lệ nhiễm HIV ở nhóm phạm nhân có dùng BCS khi QHTD (9,6%) cao hơn nhóm không dùng bao cao su (BCS) là 4,4%. Sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ( $p > 0,05$ ). Trong 351 phạm nhân đã QHTD có 260 phạm nhân dùng BCS, trong đó có 25 phạm nhân HIV(+).

Bảng 5. Tình hình sử dụng BCS khi quan hệ tình dục của phạm nhân

Đối tượng QHTD có sử dụng BCS	Phạm nhân chung (n = 260)		Phạm nhân HIV(+) (n = 25)	
	n	%	n	%
Vợ	127	48,8	18	72,0
Bạn tình	66	25,4	5	20,0
Gái bán dâm	46	17,7	6	24,0

Có 17,7% phạm nhân chung, 24% phạm nhân HIV(+) dùng BCS khi QHTD với gái bán dâm.

## IV. BÀN LUẬN

Tỷ lệ nhiễm HIV ở nhóm phạm nhân mới vào trại (dưới 24 tháng có tỷ lệ nhiễm HIV 29,3%) cao hơn nhóm đã ở trại trên 24 tháng (0,7%) có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,001$ ). Điều này phù hợp với tình hình dịch tễ học HIV/AIDS tại Việt Nam và tỉnh Điện Biên; từ năm 1998 dịch bắt đầu lan tràn và có mặt ở tất cả các tỉnh thành trong cả nước, các tỉnh miền núi phía Tây Bắc bắt đầu xuất hiện người nhiễm HIV trong nhóm tiêm chích ma túy (TCMT) [3], [4]. Tỷ lệ lây nhiễm trong cộng đồng thấp, dịch HIV/AIDS bùng phát mạnh trên địa bàn tỉnh Điện Biên trong giai đoạn từ 2006 trở lại đây; khi dịch bùng phát mạnh thì số phạm nhân có thời gian ở trại trên 24 tháng này đang ở trong trại vì vậy nguy cơ lây nhiễm HIV là thấp. Hơn nữa lưu lượng phạm nhân luân chuyển tại trại giam tỉnh Điện Biên tương đối nhanh, một số phạm nhân chuyển về các trại giam trung ương, một số phạm nhân có thời gian giam giữ từ 2-3 năm được ra trại, nên tỷ lệ các phạm nhân bị giam giữ trong trại có thời gian trên 3 năm có tỷ lệ tương đối thấp. Điều này cũng có thể nói lên

mức độ lây nhiễm HIV trong trại giam qua TCMT, xâm trở, QHTD đồng giới là thấp hoặc không có.

Liên quan giữa quan hệ tình dục và nhiễm HIV có sự khác biệt về tỷ lệ nhiễm HIV ở nhóm phạm nhân đã QHTD (tỷ lệ nhiễm HIV 8,3%) với nhóm chưa QHTD (24,5%) sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,001$ ).

Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ rất cao phạm nhân chung và phạm nhân HIV(+) đã QHTD và có quan hệ với gái bán dâm, cụ thể: 28,5% phạm nhân chung, 21,9% phạm nhân HIV(+) QHTD với bạn tình; 11,5% phạm nhân chung, 17% phạm nhân HIV(+) QHTD với gái bán dâm. Như đã nêu ở trên, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng khi mới sử dụng ma túy (trong vòng 3 đến 6 tháng đầu) nhu cầu sinh hoạt tình dục của đối tượng tăng lên, do đó họ tìm đến gái bán dâm hoặc bạn tình để giải quyết nhu cầu [ 5]. Qua thảo luận nhóm, nhiều phạm nhân cho biết đã có quan hệ với nhiều đối tượng như vợ, bạn tình và gái bán dâm. Tỷ lệ nhiễm HIV ở nhóm phạm nhân có dùng BCS khi QHTD (tỷ lệ nhiễm HIV 9,6%) cao hơn nhóm có dùng BCS (tỷ lệ nhiễm



HIV 4,4%), sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ( $p > 0,05$ ).

Điều này có thể lý giải: tỷ lệ phạm nhân nhiễm HIV không dùng BCS thấp có 4 trường hợp, nên ý nghĩa thống kê tương đối thấp, do tỷ suất lây nhiễm HIV qua QHTD thấp 0,1% - 0,2% [7], mặt khác phạm nhân có thời gian tại trại kéo dài (phạm và tái phạm nhiều lần) nên thời gian sống của họ ngoài xã hội rất ít, vì vậy tần suất QHTD với gái bán dâm cũng không nhiều. Ngoài lý do QHTD phạm nhân còn TCMT không an toàn, nên rất khó xác định đường lây truyền HIV.

Tỷ lệ thấp phạm nhân chung và phạm nhân HIV(+) dùng BCS khi QHTD với gái bán dâm, bạn tình, cụ thể: 25,4% phạm nhân chung, 20,0% phạm nhân HIV(+) dùng BCS khi QHTD với bạn tình; 17,7% phạm nhân chung, 24% phạm nhân HIV(+) dùng BCS khi QHTD với gái bán dâm. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi có tỷ lệ thấp hơn so với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Văn Hà và cộng sự tại trại giam Hồng Ca tỉnh Yên Bái, với các tỷ lệ là: 57% phạm nhân chung, 50% phạm nhân HIV(+) dùng BCS khi QHTD với bạn tình; 47,9% phạm nhân chung, 50% phạm nhân HIV(+) dùng BCS khi QHTD với gái bán dâm [6]. Qua thảo luận nhóm, hầu hết phạm nhân cho rằng ngại mua BCS vì sợ người khác phát hiện, một số không có tiền mua BCS, đại đa số cho rằng không có thói quen, hoặc không thích dùng BCS khi QHTD, hơn nữa bạn tình và gái bán dâm cũng không yêu cầu sử dụng BCS; một số phạm nhân không biết sử dụng BCS đúng cách. Như vậy, có thể nói rằng hành vi phòng chống lây nhiễm HIV của phạm nhân là rất hạn chế, đồng

thời qua kết quả nghiên cứu trên cũng cho thấy kỹ năng phòng lây nhiễm HIV của gái bán dâm và một số đối tượng nữ thanh niên ngoài xã hội còn rất hạn chế. Công tác tuyên truyền và tiếp thị xã hội về BCS còn nhiều hạn chế.

## V. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu trên 400 phạm nhân có 29 phạm nhân dương tính với HIV, các hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV qua đường tình dục cho thấy:

- Tỷ lệ nhiễm HIV ở nhóm phạm nhân vào trại  $\leq 24$  tháng (29,3%); nhóm đã ở trại trên 24 tháng (0,7%) sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,001$ ).

- Tỷ lệ nhiễm HIV ở nhóm phạm nhân đã QHTD (8,3%); nhóm chưa QHTD (24,5%) sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,001$ ).

- Đối tượng quan hệ tình dục ở nhóm nhiễm HIV cao nhất là vợ 51,2%, tiếp đó là bạn tình 21,9%, gái bán dâm 17,0%, có 29,2% chưa QHTD.

- Tỷ lệ nhiễm HIV ở nhóm phạm nhân không dùng BCS khi QHTD (4,4%) thấp hơn nhóm có dùng BCS (9,6%) sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ( $p > 0,05$ ).

- Tỷ lệ sử dụng BCS khi QHTD của phạm nhân nhiễm HIV với vợ là 72%, bạn tình 20%, gái bán dâm là 24%.

## VI. KIẾN NGHỊ:

Tuyên truyền nhằm thay đổi hành vi tình dục an toàn nhằm giảm nguy cơ nhiễm HIV/AIDS là điều cần thiết, đặc biệt đối với các đối tượng xã hội như phạm nhân, các đối tượng có tiền án, tiền sự, gái mại dâm.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (2009), *Báo cáo kết quả công tác phòng, chống tệ nạn Mại dâm, cai nghiện phục hồi năm 2008*, Hà Nội.
2. Nguyễn Quang Hùng, Lê Thanh Hoà (2000), “Nghiên cứu khảo sát một số bệnh ở phạm nhân và đối tượng có liên quan đến tệ nạn xã hội, đề xuất biện pháp kiểm soát, ngăn chặn lây nhiễm ra cộng đồng”, *Công trình nghiên cứu khoa học (1995-2000)*, Bệnh viện 19/8, tập 5, tr. 266-273.
3. Nguyễn Chí Phi, Đỗ Ánh Nguyệt, Lê Ngọc Yến và cộng sự (2000), “Khảo sát đặc điểm Y xã hội học và Y sinh học trên các đối tượng NCMT nhiễm HIV ở các tỉnh phía Bắc”, *Y học thực hành: Kỷ yếu công trình nghiên cứu khoa học về HIV/AIDS 1997 - 1999*, 382, tr. 148 - 158.
4. Trần Quốc Hùng (2001), *Thực trạng nghiện ma túy và nhiễm HIV/AIDS ở một trại tạm giam*

## Bệnh viện Trung ương Huế

- thành phố Hà Nội (1996 - 2000)*, Luận văn Thạc sỹ Y học, Hà Nội.
5. Nguyễn Văn Hà (2005), *Thực trạng và một số yếu tố nhiễm HIV/AIDS ở phạm nhân trại giam Hồng Ca (2001-2005)*, Luận án Thạc sỹ Y học, Hà Nội.
  6. Trường Đại học Y khoa Hà Nội (1995), *Nhiễm HIV/AIDS: Y học cơ sở, lâm sàng và phòng chống*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội, tr. 32 - 178.
  7. Trần Quốc Hùng, Hồ Bá Do, Bùi Thế Truyền và cộng sự (2000), “Tình hình NCMT và nhiễm HIV ở phạm nhân tại trại giam X - 12/1999”, *Y học dự phòng*, tập X, số 3, tr. 48.
  8. Nguyễn Thanh Tùng, Lê Anh Ngoan, Nguyễn Tuấn Bình và cộng sự (1998), *Nghiên cứu và đánh giá thực trạng nhiễm HIV/AIDS đối tượng là các phạm nhân ở các trại giam - cách quản lý và phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS*, Hà Nội.
  9. UNAIDS (2008). Report on the global AIDS epidemic. Geneva.
  10. WHO, UNAIDS, UNICEF (2007). Towards universal access: scaling up priority HIV/AIDS interventions in the health sector: progress report. April. Geneva. ISBN 978 92 4 159.